

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 18-01-2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thiện Bửu;

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 01/TB-TA ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, Trần Hưng Đ, khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1983. Địa chỉ số F, đường 30 tháng 4, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo giấy ủy quyền ngày 26/9/2023.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Kim H1, sinh năm 1987;

Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Hồ Thanh H** trình bày: Ngày 20/05/2021 đến ngày 12/08/2022, ông **Nguyễn Thanh P** có cho bà **Huỳnh Kim H1** vay tiền nhiều lần, số tiền vay ít nhất là 30.000.000đồng, lần vay tiền nhiều nhất là 1.000.000.000đồng, do tin tưởng bà **H1** đi làm Công ty, có lương ổn định, khi vay tiền bà **H1** nói vay để có vốn làm ăn, làm chủ hội, cho vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng lợi, cụ thể: Bà **H1** cho ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1966 và bà **Phan Thị T**, sinh năm 1968, cùng địa chỉ: **Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp** vay lại, việc bà **H1** cho ông **C** và bà **T** vay đã được Tòa án thành phố **H** giải quyết xong và chuyển qua giai đoạn thi hành án. Thông thường thì bà **H1** nhận tiền đóng lãi của bà **T**, rồi lấy một phần ra để đóng lãi cho ông **P**, bà **T** bề nợ nên không đóng lãi cho bà **H1**, dẫn đến bà **H1** không trả gốc và lãi cho ông **P**. Do đó, ngày 01/05/2023 ông **P** yêu cầu bà **Huỳnh Kim H1** chốt lại số tiền đã vay, bà **H1** thống nhất còn nợ số tiền 680.000.000đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng), các biên nhận trước đây hai bên xóa hết. Bà **H1** có trả tiền gốc cho ông **P** được 03 lần: Vào tháng 5/2023 trả cho ông **P** được 40.000.000đồng, tháng 6/2023 trả cho ông **P** được 15.000.000đồng, tháng 7/2023 trả cho ông **P** được 15.000.000đồng. Tổng cộng bà **H1** trả cho ông **P** số tiền gốc là 70.000.000đồng. Bà **H1** không đóng lãi và ông **P** nhiều lần thông báo cho bà **H1**, yêu cầu bà **H1** trả tiền gốc cho ông **P**. Nhưng đến nay bà **H1** không trả cho ông **P** được thêm bất kỳ khoản tiền nào.

Ngoài ra, ông **P** cũng có cho chồng của bà **H1** là ông **Nguyễn Văn Y** vay tiền nhiều lần vào ngày 12/07/2021, ngày 21/10/2022 và đầu năm 2023, mỗi một lần vay ít nhất là 200.000.000đồng, lần vay sau cùng là 300.000.000đồng, mục đích ông **Y** vay là để trả nợ vay của Ngân hàng, vay vài ngày rồi trả.

Nay ông **P** yêu cầu bà **Huỳnh Kim H1** và ông **Nguyễn Văn Y** (chồng của bà **Huỳnh Kim H1**) có trách nhiệm liên đới trả cho ông **P** số tiền vay còn nợ là 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà **Huỳnh Kim H1** trình bày: Bà thừa nhận còn nợ ông **Nguyễn Thanh P** số tiền 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng). Mục đích bà **H1** mượn tiền của ông **P** là để mượn vốn cho người khác vay lại để lấy tiền lãi. Số tiền mượn của ông **P** bà có cho vợ chồng của ông **Nguyễn Văn C** và bà **Phan Thị Tuyết m** mà vợ chồng ông **C** và bà **T** không trả nợ nên vợ chồng bà đã khởi kiện và Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quyết định số 12/2023/QĐCNHGT-DS ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố **Hồng Ngự**, hiện nay vợ chồng bà đã nộp đơn yêu cầu Thi hành khoản nợ này nhưng vợ chồng bà chưa được thi hành án nên bà chưa có tiền trả cho ông **P**. Việc bà mượn tiền của ông **P** bà không hề cho chồng bà biết nên chồng bà không có liên quan gì đến số nợ này. Do đó, bà tự nguyện một mình trả số nợ 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng) cho ông **P**.

- Bị đơn ông **Nguyễn Văn Y** trình bày: Việc vợ ông là bà **Huỳnh Kim H1** mượn ông **Nguyễn Thanh P** số tiền 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng) thì ông không hề hay biết. Nên ông **P** yêu cầu ông cùng vợ ông trả số tiền nêu trên cho ông **P** thì ông không đồng ý. Nhưng việc vợ chồng ông có cho ông **Nguyễn Văn C**

và bà Phan Thị Tuyết m tiền là có. Do vợ chồng ông C và bà T không trả nợ nên vợ chồng ông đã khởi kiện và Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quyết định số 12/2023/QĐCNHGT-DS ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự. Vợ chồng ông đã nộp đơn yêu cầu Thi hành khoản nợ này nhưng chưa thi hành được nên vợ ông chưa trả cho ông P số tiền nợ 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông H xác định: Mặc dù ông Y không có ký tên vào các biên nhận nợ tiền vay nhưng việc bà H1 vay tiền của ông P thì ông Y đương nhiên phải biết bởi các căn cứ sau: Từ khi bà H1 vay tiền của ông P đến nay thì vợ chồng bà H1 vẫn còn sống chung trong nhà và tình cảm vợ chồng vẫn bình thường; Trước khi bà H1 vay tiền của ông P thì ông Y cũng có vay tiền của ông P nhưng đã trả xong; Ông Y đều biết những người mà bà H1 cho vay lại để lấy tiền lãi cao hơn trả cho ông P và giữa ông Y với bà H1 không có văn bản thỏa thuận nào là vợ chồng làm ăn riêng, tài sản nào của vợ chồng là tài sản riêng, kể cả số tiền 1.700.000.000đồng mà ông Y, bà H1 yêu cầu ông C, bà T trả cũng là trả chung cho ông Y và bà H1. Nên ông P giữ y yêu cầu là yêu cầu bà H1 và ông Y cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho ông P tổng cộng số tiền vốn là 610.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà H1 xác định: Giữa bà và ông Y từ trước đến nay vẫn chung sống với nhau bình thường, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, vợ chồng bà làm ăn riêng nạnh ai nấy làm nhưng không có văn bản thỏa thuận gì về việc làm ăn riêng này.

Tại phiên tòa, ông Y xác định: Giữa ông và bà H1 từ trước đến nay vẫn chung sống với nhau bình thường, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, ông không biết việc vợ ông vay tiền của ông P vì vợ chồng ông làm ăn riêng nạnh ai nấy làm nhưng không có văn bản thỏa thuận gì về việc làm ăn riêng này. Ông Y thừa nhận lời khai trong biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023 chính là của ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P yêu cầu bà Huỳnh Kim H1 và chồng là ông Nguyễn Văn Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vay 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc bà Huỳnh Kim H1 vay tiền của ông Nguyễn Thanh P có làm biên nhận nợ vào ngày 20/05/2021 và ngày 12/08/2022. Trong biên nhận nợ chỉ có chữ ký tên của bà Huỳnh Kim H1 chứ không có ký nhận của chồng bà H1 là ông Nguyễn Văn Y. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà H1 thừa nhận là có vay tiền của P số tiền 610.000.000đồng và đồng ý trả số tiền trên yêu cầu của ông P. Do đó, xác định việc bà H1 có vay tiền của ông P là có thật.

Mặc dù ông Y không thừa nhận là có biết việc bà H1 vay tiền của ông P nhưng theo lời khai của bà H1 thì mục đích mượn tiền của ông P là để mượn vốn cho người khác vay lại để lấy tiền lãi cao hơn rồi lấy tiền lãi thu được trả lãi cho ông P còn các khoản dư ra thì bà tham gia chơi hụi là cũng nhằm mục đích chăm lo chi tiêu cho cuộc sống chung của gia đình.

Bà H1 thừa nhận số tiền mượn của ông P bà có cho vợ chồng của ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị T vay lại nhưng vợ chồng ông C và bà T không trả nợ nên vợ chồng bà đã khởi kiện và Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quyết định số 12/2023/QĐCNHGT-DS ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, hiện nay vợ chồng bà đã nộp đơn yêu cầu Thi hành khoản nợ này nhưng vợ chồng bà chưa được thi hành án nên bà chưa có tiền trả cho ông P. Việc bà H1 mượn tiền của ông P là để mượn vốn cho người khác vay lại, những người bà H1 cho vay lại này thì ông Y có biết và việc khởi kiện tại Tòa án đối với ông C, bà T là do cả hai vợ chồng ông Y và bà H1 cùng khởi kiện, theo Quyết định thì buộc ông C, bà T trả nợ chung cho vợ chồng ông Y và bà H1 tổng số nợ là 1.700.000.000đồng.

Việc ông Y cho rằng vợ chồng còn chung sống chung trong nhà, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường nhưng làm ăn riêng, tiền ai nấy làm là không có căn cứ vì ông Y không có chứng cứ chứng minh là có thỏa thuận làm ăn riêng với bà H1.

Ông Y cho rằng ông biết việc bà H1 có tiền cho người khác vay lại nhưng ông không biết do đâu mà bà H1 có tiền là không có căn cứ vì cụ thể như trường hợp của ông C và bà T thì ông Y biết và biết trước thời điểm ông P kiện bà H1 trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2023 thì ông Y cũng thống nhất rằng phần ông Y mượn của người khác là 500.000.000đồng, ông Y lấy được tiền của ông C và bà T thì ông Y trả số tiền này, phần còn lại thì ông Y cũng đồng ý cho bà H1 đem trả cho ông P cho dứt nợ.

Do đó, xác định việc bà Huỳnh Kim H1 mượn tiền của ông Nguyễn Thanh P là ông Nguyễn Văn Y phải biết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy buộc ông Nguyễn Văn Y cùng có trách nhiệm liên đới với bà Huỳnh Kim H1 để trả nợ vay cho ông Nguyễn Thanh P với số tiền 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P được chấp nhận nên bà Huỳnh Kim H1, ông Nguyễn Văn Y phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P.

Buộc bà Huỳnh Kim H1 và ông Nguyễn Văn Y cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho ông Nguyễn Thanh P với số tiền 610.000.000đ (Sáu trăm mười triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà Huỳnh Kim H1 và ông Nguyễn Văn Y có nghĩa vụ liên đới chịu 28.400.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Nguyễn Thanh P** được nhận lại 14.200.000đ (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0595, ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo